

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021, Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực: Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 205/TTr-SNN ngày 18/8/2021, Tờ trình số 207/TTr-SNN ngày 24/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai, sửa đổi, bổ sung một số TTHC lĩnh vực chăn nuôi và thú y; lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, chi tiết tại Danh mục kèm theo.

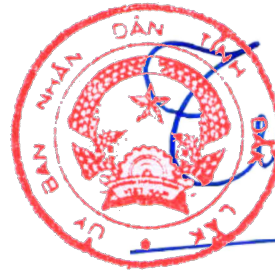
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng CP;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Các phòng, TT: NNMT, KT, PVHCC;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg_3).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI BỔ SUNG LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠM TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ ứng dụng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
Thủ tục hành chính cấp xã								
1	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể: - 10 ngày làm việc đối với UBND cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với UBND cấp huyện; - UBND cấp xã chi trả kinh phí khám chữa bệnh cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định trợ cấp. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ	3		x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ ứng dụng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.	<p>30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, hồ sơ theo quy định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc đối với UBND cấp xã; - 05 ngày làm việc đối với UBND cấp huyện; - 05 ngày làm việc đối với UBND cấp tỉnh; - UBND cấp xã chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng: 10 ngày làm việc. <p>Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, hóa đơn, giấy tờ theo quy định hoặc không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan cấp tỉnh, huyện, cấp xã phải có văn bản hướng dẫn gửi người nộp đơn để bổ sung, hoàn thiện.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã	Không	Điều 35, Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ	3		x

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ PHÍ, LỆ PHÍ (Đã được công bố tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 và Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 và Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y							
1	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận ĐKVSTY	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp cấp, cấp lại Giấy chứng nhận ĐKVSTY hết hạn: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh y tế (ĐKVSTY) bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ĐKVSTY: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>Cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận ĐKVSTY do giấy chứng nhận cũ hết hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí Kiểm tra ĐKVSTY đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động 	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.	3	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
				<p>vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần</p> <p>- Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần.</p> <p>Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận: Không thu phí</p>				
2	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể	-Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với động vật, sản	- Chi cục Chăn nuôi và Thú y; - Các trạm Kiểm dịch động	- Phí: Thu phí KDDV và sản phẩm DV (bao gồm cả thủy sản): Thu theo mục III của biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành kèm theo Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính;	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài	3	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm.	phẩm động vật thủy sản khác: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	vật đầu mối; - Các Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện, thị xã, thành phố thuộc Chi cục và được Chi cục ủy quyền	- Các chỉ tiêu kiểm tra: thu theo Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	chính; - Thông tư 283/2016/T T-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			
3	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vacxin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Các trường hợp khác: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				3	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	- Thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/ 01 cơ sở/lần	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính	4	x	x
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn.			- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần; - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.			4	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
II. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật								
	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiệm đối tượng kiểm dịch thực vật.	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	3	x	x

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ CĂN CỨ PHÁP LÝ (được công bố tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 19/10/2020, Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 16/4/2021, Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý sửa đổi	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y							
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đối với trường hợp cấp mới. - 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ trong trường hợp gia hạn. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. 	Thông tư số 101/2020/T T-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính	3	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý sửa đổi	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y). Cấp tỉnh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				3	x	x
II Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật								
1	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật .	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 15/11/2013; - Nghị định 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.	Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý sửa đổi	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
2	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 15/11/2013; - Nghị định 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ; - Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ; - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. 	Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính	4	x	x
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	<ul style="list-style-type: none"> - 21 ngày làm việc, không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; - 84 ngày làm việc 		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 15/11/2013; - Nghị định 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của 		3	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý sửa đổi	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
		khi nhận được bản BC khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chính phủ; - Nghị định 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.				
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	- 21 ngày làm việc, không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; - 07 ngày làm việc, không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm			Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính	3	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Căn cứ pháp lý sửa đổi	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Mức độ cung ứng DVCTT (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
		nông lâm thủy sản; - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.	Trung tâm Phục					
5	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.	24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	vụ hành chính công tỉnh	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 15/11/2013. - Thông tư 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính.		3	x	x